

BẢNG KÊ CHI TIẾT
(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐKLCD ngày 21 / 5 /2026 của Đội KLCD và PCCCR số 03)

1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	Số hiệu/ nhãn đánh (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh / tám/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày			
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	40	3	1	0.040	792/QĐ-TT 18/8/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	28	3	1	0.028	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	28	3	1	0.028	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	41	3	1	0.041	
5		Ké		Nephelium sp.	V	1.90	27	4	1	0.020	
6		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	27	3	1	0.028	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	23	4	1	0.025	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	30	3	1	0.025	
9		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	20	3	1	0.021	
10		Ké		Nephelium sp.	V	2.90	20	3	1	0.017	
11		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	17	3	1	0.014	
12		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	37	3	1	0.038	
13		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	33	4	1	0.046	
14		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	20	4	1	0.027	
15		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	33	3	1	0.034	
16		Ké		Nephelium sp.	V	3.60	18	3	1	0.019	
17		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	27	3	1	0.024	
18		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	20	4	1	0.020	
19		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	32	3	1	0.033	
20		Ké		Nephelium sp.	V	3.60	23	4	1	0.033	
21		Ké		Nephelium sp.	V	3.60	28	4	1	0.028	
22		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	17	3	1	0.012	
23		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	18	3	1	0.013	
24		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	21	4	1	0.026	
25		Ké		Nephelium sp.	V	1.60	15	3	1	0.007	
26		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	28	3	1	0.029	
27		Ké		Nephelium sp.	V	3.70	30	3	1	0.033	
28		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	30	2	1	0.021	
29		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	22	2	1	0.014	
30		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	28	2	1	0.019	
31		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	18	4	1	0.025	
32		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	18	3	1	0.017	
33		Ké		Nephelium sp.	V	3.60	20	3	1	0.021	
34		Ké		Nephelium sp.	V	2.70	10	3	1	0.008	
35		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	20	3	1	0.012	
36		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	31	3	1	0.028	
37		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	35	3	1	0.021	
38		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	25	3	1	0.023	

Lô 1	Tổng								38	0.918	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.3	76	53	1	1.313	491/QĐ-TT ngày 10/02/2025
Lô 2	Tổng								1	1.313	
1		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	75	19	1	0.350	492/QĐ-TT ngày 10/02/2025
2		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	73	19	1	0.341	
Lô 3	Tổng								2	0.691	
1		Ké		Nephelium sp.	V	1.9	31	26	1	0.153	493/QĐ-TT ngày 11/3/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.3	30	17	1	0.117	
3		Ké		Nephelium sp.	V	1.9	26	24	1	0.118	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.3	25	17	1	0.097	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.4	18	15	1	0.064	
6		Ké		Nephelium sp.	V	2.5	20	14	1	0.070	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.9	25	19	1	0.090	
8		Ké		Nephelium sp.	V	1.3	35	17	1	0.077	
9		Ké		Nephelium sp.	V	1	26	17	1	0.044	
10		Ké		Nephelium sp.	V	1.7	45	14	1	0.107	
11		Ké		Nephelium sp.	V	1.8	29	10	1	0.052	
12		Ké		Nephelium sp.	V	1.8	28	10	1	0.050	
Lô 4	Tổng								12	1.039	
1		Ké		Nephelium sp.	V	4.4		90	1	2.598	494/QĐ-TT ngày 13/3/2025 (gỗ tròn)
Lô 5	Tổng								1	2.598	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.4		40	1	0.405	495/QĐ-TT ngày 13/3/2025
2		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	50	10	1	0.125	
3		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	50	12	1	0.150	
4		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	51	11	1	0.140	
5		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	50	11	1	0.137	
Lô 6	Tổng								5	0.957	
1		Ké		Nephelium sp.	V	4.10	36	13	1	0.191	766/QĐ-TT ngày 17/3/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.70	52	13	1	0.182	
3		Ké		Nephelium sp.	V	1.90	35	13	1	0.086	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	45	20	1	0.225	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.10	40	20	1	0.168	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.20	30	30	1	0.108	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	25	15	1	0.082	
Lô 7	Tổng								7	1.042	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.30		37	1	0.247	767/QĐ-TT ngày 18/3/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	4.30		34	1	0.390	
3		Ké		Nephelium sp.	V	4.40		31	1	0.331	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.60		43	1	0.377	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.30		23	1	0.137	
6		Ké		Nephelium sp.	V	4.20		23	1	0.174	
7		Ké		Nephelium sp.	V	3.50		28	1	0.215	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		25	1	0.132	
9		Ké		Nephelium sp.	V	3.00		35	1	0.288	
10		Ké		Nephelium sp.	V	1.90		24	1	0.085	
Lô 8	Tổng								10	2.376	
1		Ké		Nephelium sp.	V	4.00	24	6	14	0.798	768/QĐ-TT ngày 18/3/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.90	26	10	1	0.075	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	35	14	1	0.156	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	33	14	1	0.147	
Lô 9	Tổng								17	1.176	

1		Bời lời		Litsea polantha Juss	V	3.48		84	1	1.743	769/QĐ-TT ngày 31/3/2025 (gỗ tròn)
2		Bời lời		Litsea polantha Juss	V	3.60		88	1	1.982	
3		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	4.00		49	1	0.753	
4		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	4.40		59	1	1.202	
Lô 10				Tổng					4	5.680	
1		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.50	82	14	1	0.401	770/QĐ-TT ngày 02/4/2025
2		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.50	75	20	1	0.525	
Lô 11				Tổng					2	0.926	
1		Trám hồng		Canarium sp.	VI	4.50		47	1	0.780	771/QĐ-TT ngày 02/4/2025 (gỗ tròn)
2		Chò xốt		Schima crenata Korth	V	5.00		61	1	1.460	
3		Ké		Nephelium sp.	V	5.00		34	1	0.453	
4		Trám hồng		Canarium sp.	VI	4.20		55	1	0.997	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.90		44	1	0.592	
Lô 12				Tổng					5	4.282	
1		Xoan đào		Pygeum arboreum Endl. Et Kurz	VI	2.80	46	14	1	0.180	772/QĐ-TT ngày 08/4/2025
2		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	2.80	68	16	1	0.304	
3		Xoan đào		Pygeum arboreum Endl. Et Kurz	VI	2.80	65	15	1	0.273	
4		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	2.80	67	16	1	0.300	
5		Xoan đào		Pygeum arboreum Endl. Et Kurz	VI	2.80	39	9	1	0.098	
6		Xoan đào		Pygeum arboreum Endl. Et Kurz	VI	2.80	42	15	1	0.176	
7		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	2.90	67	17	1	0.330	
8		Bình linh		Vitex pubescens Vahl	III	3.00	69	17	1	0.351	
Lô 13				Tổng					8	2.012	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	67	30	1	0.562	773/QĐ-TT ngày 08/4/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	67	27	1	0.435	
3		Ké		Nephelium sp.	V	4.60		32	1	0.369	
4		Ké		Nephelium sp.	V	4.60		32	1	0.369	
5		Ké		Nephelium sp.	V	4.60		33	1	0.393	
6		Ké		Nephelium sp.	V	4.90		28	1	0.301	
7		Ké		Nephelium sp.	V	5.00		23	1	0.207	
Lô 14				Tổng					7	2.636	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	47	20	1	0.233	774/QĐ-TT ngày 08/4/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	66	15	1	0.244	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	40	14	1	0.140	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	39	15	1	0.163	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	57	11	1	0.188	
6		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	30	11	1	0.105	
7		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	42	9	1	0.128	
Lô 15				Tổng					7	1.201	
1		Ké		Nephelium sp.	V	0.8	40	14	1	0.044	775/QĐ-TT ngày 15/4/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	1.3	34	15	1	0.066	
3		Ké		Nephelium sp.	V	1.5	40	16	1	0.096	
4		Ké		Nephelium sp.	V	1.2	35	15	1	0.063	
5		Ké		Nephelium sp.	V	1.8	29	13	1	0.067	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.2	35	16	1	0.067	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.8	32	17	1	0.097	
8		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	29	12	1	0.087	
9		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.3	34	12	1	0.093	
10		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	28	13	1	0.091	
11		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.4	29	14	1	0.097	
12		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.2	35	20	1	0.154	

13		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.2	30	15	1	0.099	
14		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.2	34	14	1	0.104	
15		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.3	25	15	1	0.086	
16		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.2	40	15	1	0.132	
17		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.5	29	10	1	0.072	
18		Sến		Shorea harmandi Pierre	IV	3.1	29	15	1	0.134	
19		Sến		Shorea harmandi Pierre	IV	2.4	34	14	1	0.114	
20		Sến		Shorea harmandi Pierre	IV	3.1	29	11	1	0.098	
Lô 16		Tổng							20	1.861	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.30		38	1	0.260	776/QĐ-TT ngày 17/4/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.20		32	1	0.176	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.50		36	1	0.132	
4		Ké		Nephelium sp.	V	1.80		25	1	0.088	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		31	1	0.203	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.70		22	1	0.064	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.00		32	1	0.080	
8		Ké		Nephelium sp.	V	1.00		41	1	0.131	
9		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		36	1	0.274	
10		Ké		Nephelium sp.	V	1.30		28	1	0.080	
11		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	46	13	1	0.143	
12		Ké		Nephelium sp.	V	3.70	57	14	1	0.232	
13		Ké		Nephelium sp.	V	3.80	35	11	1	0.146	
14		Ké		Nephelium sp.	V	3.50	42	13	1	0.191	
15		Ké		Nephelium sp.	V	3.70	49	15	1	0.167	
16		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	40	16	1	0.153	
Lô 17		Tổng							16	2.520	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	90	26	1	0.702	777/QĐ-TT ngày 21/4/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	76	30	1	0.752	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	84	29	1	0.730	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.20	80	46	1	1.177	
Lô 18		Tổng							4	3.361	
1		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.50	51	14	1	0.178	778/QĐ-TT ngày 24/4/2025
2		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.60	55	14	1	0.200	
3		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	3.00	33	10	1	0.099	
4		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.50	36	11	1	0.099	
5		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.40	25	15	1	0.090	
6		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.40	35	10	1	0.084	
7		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.30	34	12	1	0.093	
8		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	3.00	43	11	1	0.141	
9		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.50	28	7	1	0.049	
10		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.40	33	14	1	0.110	
11		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.50	40	11	1	0.110	
12		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	3.00	33	11	1	0.108	
13		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.50	38	11	1	0.104	
14		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	1.00	41	11	1	0.045	
Lô 19		Tổng							14	1.510	
1		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.70	84	20	1	0.621	779/QĐ-TT ngày 28/4/2025
2		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.70	88	20	1	0.651	
3		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.10	67	8	1	0.166	
4		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.20	98	20	1	0.471	
5		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.20	64	15	1	0.307	
6		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	3.20	66	15	1	0.316	
Lô 20		Tổng							6	2.532	
1		Ké		Nephelium sp.	V	1.00		28	1	0.061	

2		Ké		Nephelium sp.	V	1.30		27	1	0.074	780/QĐ-TT ngày 06/5/2025
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.20		24	1	0.144	
4		Ké		Nephelium sp.	V	1.90	40	6	1	0.045	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	52	17	1	0.194	
6		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	48	18	1	0.190	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	52	34	1	0.226	
8		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.50	25	11	1	0.068	
9		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.40	26	11	1	0.068	
10		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.90	28	12	1	0.097	
11		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.90	23	12	1	0.058	
Lô 21	Tổng								11	1.225	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.80		23	1	0.116	781/QĐ-TT 23/5/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		26	1	0.143	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		30	1	0.190	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.80		38	1	0.317	
5		Ké		Nephelium sp.	V	4.70		54	1	0.328	
6		Ké		Nephelium sp.	V	4.30		37	1	0.443	
7		Ké		Nephelium sp.	V	5.00		27	1	0.286	
8		Ké		Nephelium sp.	V	3.80		30	1	0.268	
Lô 22	Tổng								8	2.091	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.70		52	1	0.573	782/QĐ-TT 29/5/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.30		40	1	0.288	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.50		42	1	0.346	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.00		30	1	0.211	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.10		36	1	0.213	
6		Ké		Nephelium sp.	V	2.00		21	1	0.069	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.00		26	1	0.106	
8		Ké		Nephelium sp.	V	1.90		27	1	0.108	
9		Ké		Nephelium sp.	V	2.60		25	1	0.127	
10		Ké		Nephelium sp.	V	1.00		40	1	0.125	
11		Ké		Nephelium sp.	V	1.60		39	1	0.191	
12		Ké		Nephelium sp.	V	2.10		20	1	0.065	
13		Ké		Nephelium sp.	V	1.10		30	1	0.077	
Lô 23	Tổng								13	2.499	
1		Chò xót		Schima crenata Korth	V	1.10		64	1	0.353	783/QĐ-TT 03/6/2025 (gỗ tròn)
2		Chò xót		Schima crenata Korth	V	0.70		54	1	0.160	
3		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.00		70	1	1.153	
Lô 24	Tổng								3	1.666	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	30	24	1	0.144	784/QĐ-TT 11/6/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	22	21	1	0.092	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.30	27	24	1	0.149	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	30	28	1	0.184	
5		Ké		Nephelium sp.	V	1.30	31	22	1	0.088	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.30	31	31	1	0.124	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.10	22	22	1	0.101	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	36	16	1	0.138	
9		Ké		Nephelium sp.	V	2.10	30	18	1	0.113	
10		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	27	11	1	0.092	
11		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	34	17	1	0.144	
12		Ké		Nephelium sp.	V	2.90	21	17	1	0.103	
13		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	31	25	1	0.155	
14		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	28	19	1	0.133	
15		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	21	16	1	0.073	
16		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	22	19	1	0.108	

17		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	30	12	1	0.111	
18		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	17	13	1	0.068	
19		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	31	22	1	0.163	
20		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	37	16	1	0.142	
21		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	25	17	1	0.102	
22		Ké		Nephelium sp.	V	1.80	22	18	1	0.071	
Lô 25	Tổng								22	2.598	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	35	15	1	0.157	785/QĐ-TT 11/6/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	32	23	1	0.161	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	26	18	1	0.102	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.30	36	26	1	0.215	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	22	12	1	0.058	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.80	30	20	1	0.108	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.90	30	25	1	0.142	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.30	33	25	1	0.189	
9		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	28	15	1	0.130	
10		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	23	15	1	0.075	
11		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	32	14	1	0.134	
12		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	25	24	1	0.150	
13		Ké		Nephelium sp.	V	2.40	22	16	1	0.084	
14		Ké		Nephelium sp.	V	2.30	25	19	1	0.109	
15		Ké		Nephelium sp.	V	2.30	36	25	1	0.207	
16		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	25	7	1	0.045	
17		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	24	14	1	0.073	
18		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	25	15	1	0.112	
19		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	50	12	1	0.132	
20		Ké		Nephelium sp.	V	1.40	34	33	1	0.157	
21		Ké		Nephelium sp.	V	1.50	27	22	1	0.089	
22		Ké		Nephelium sp.	V	1.80	34	29	1	0.177	
Lô 26	Tổng								22	2.806	
1		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.60	43	14	1	0.096	786/QĐ-TT 09/7/2025
2		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.00	39	14	1	0.109	
3		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.30	34	14	1	0.109	
4		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.20	34	13	1	0.097	
5		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.60	43	13	1	0.089	
6		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.00	35	15	1	0.105	
7		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.60	39	14	1	0.087	
8		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.70	39	14	1	0.092	
9		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	0.70	30	18	1	0.037	
10		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.60	50	12	1	0.096	
11		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.70	38	14	1	0.090	
12		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	0.80	25	16	1	0.032	
13		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	2.20	44	13	1	0.125	
14		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.60	43	12	1	0.082	
15		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	1.70	39	12	1	0.079	
Lô 27	Tổng								15	1.325	
1		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.80		72	1	1.139	787/QĐ-TT 10/7/2025 (gỗ tròn)
2		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.60		69	1	1.345	
3		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.35		63	1	0.732	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.90		41	1	0.382	
Lô 28	Tổng								4	3.598	
1		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.10	30	17	1	0.109	
2		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.50	39	12	1	0.097	
3		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.50	40	11	1	0.095	

4		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.20	26	14	1	0.101	788/QĐ-TT 17/7/2025
5		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.20	26	13	1	0.108	
6		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.60	25	16	1	0.104	
7		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.60	26	12	1	0.084	
8		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.40	29	16	1	0.111	
9		Chò xót		Schima crenata Korth	V	2.40	29	15	1	0.104	
10		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	5.30		47	1	0.910	
11		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	4.40		32	1	0.353	
12		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	5.30		44	1	0.805	
13		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	5.00		40	1	0.628	
14		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	4.80		30	1	0.339	
15		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	2.80		48	1	0.419	
16		Trám trắng		Canarium albrun Racusch	VII	5.40		29	1	0.356	
17		Chò xót		Schima crenata Korth	V	4.00		42	1	0.553	
18		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.50		35	1	0.278	
19		Chò xót		Schima crenata Korth	V	3.50		41	1	0.461	
Lô 29		Tổng							19	6.015	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.60		35	1	0.250	789/QĐ-TT 28/7/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.40		21	1	0.083	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.00		26	1	0.159	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.00		32	1	0.241	
5		Ké		Nephelium sp.	V	1.00		24	1	0.054	
6		Ké		Nephelium sp.	V	4.70		30	1	0.561	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.40		21	1	0.083	
8		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	37	10	1	0.111	
9		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	25	14	1	0.087	
10		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	24	14	1	0.104	
11		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	26	16	1	0.128	
Lô 30		Tổng							11	1.861	
1		Ràng ràng tía		Ormosia sp	VI	2.50	30	12	1	0.090	790/QĐ-TT 15/8/2025
2		Ràng ràng tía		Ormosia sp	VI	2.50	29	12	1	0.087	
3		Ràng ràng tía		Ormosia sp	VI	2.30	29	12	1	0.080	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	23	14	1	0.080	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.00	20	20	1	0.120	
6		Xoan mộc		Toona febrifuga Roen	VI	2.60	28	12	1	0.087	
7		Xoan mộc		Toona febrifuga Roen	VI	2.50	30	28	1	0.210	
Lô 31		Tổng							7	0.754	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	21	14	1	0.082	791/QĐ-TT 15/8/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	1.90	25	18	1	0.085	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	25	10	1	0.077	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	25	9	1	0.069	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	65	15	1	0.195	
6		Ké		Nephelium sp.	V	2.50	52	15	1	0.195	
7		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	45	15	1	0.175	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.00	25	14	1	0.070	
Lô 32		Tổng							8	0.948	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.045	
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.045	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.030	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.030	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.030	
6		Ké		Nephelium sp.	V	3.30	23	6	1	0.030	

7		Ké		Nephelium sp.	V	2.60	13	6	1	0.020	792/QĐ-TT 18/8/2025
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.20	12	6	1	0.015	
9		Ké		Nephelium sp.	V	2.80	12	6	1	0.020	
10		Ké		Nephelium sp.	V	4.10	14	7	1	0.040	
11		Ké		Nephelium sp.	V	4.10	12	6	1	0.029	
12		Ké		Nephelium sp.	V	4.00	13	4	1	0.020	
13		Ké		Nephelium sp.	V	4.20	6	5	1	0.012	
14		Ké		Nephelium sp.	V	4.20	7	7	1	0.020	
15		Ké		Nephelium sp.	V	2.70	24	6	1	0.038	
16		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	13	7	1	0.028	
17		Ké		Nephelium sp.	V	3.80	14	6	1	0.031	
18		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	23	6	1	0.046	
19		Ké		Nephelium sp.	V	1.70	22	6	1	0.022	
20		Ké		Nephelium sp.	V	3.40	13	6	1	0.026	
21		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	13	6	1	0.024	
22		Ké		Nephelium sp.	V	3.70	11	6	1	0.024	
23		Ké		Nephelium sp.	V	3.10	13	6	1	0.024	
Lô 33				Tổng					23	0.649	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.50		17	1	0.079	793/QĐ-TT 13/10/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	2.90		17	1	0.065	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.00		20	1	0.062	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2.80		16	1	0.056	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.30		26	1	0.175	
6		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	5.00		33	1	0.427	
7		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	6.00		27	1	0.343	
8		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	6.40		29	1	0.422	
9		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	6.30		26	1	0.334	
10		Trám đen		Canarium nigrum Engl.	VII	4.90		34	1	0.444	
Lô 34				Tổng					10	2.407	
1		Ké		Nephelium sp.	V	4,70		46	1	0.780	795/QĐ-TT 22/10/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	3,80		34	1	0.344	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2,90		58	1	0.445	
4		Ké		Nephelium sp.	V	4,20		39	1	0.514	
5		Ké		Nephelium sp.	V	6,80		35	1	0.653	
6		Ké		Nephelium sp.	V	3,20		24	1	0.144	
Lô 35				Tổng					6	2.880	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3,2		40	1	0.401	794/QĐ-TT 22/10/2025 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	5,4		35	1	0.519	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3,9		46	1	0.647	
4		Ké		Nephelium sp.	V	4,4		24	1	0.198	
5		Ké		Nephelium sp.	V	4,2		22	1	0.159	
6		Ké		Nephelium sp.	V	5,0		25	1	0.245	
7		Ké		Nephelium sp.	V	4,8		33	1	0.410	
Lô 36				Tổng					7	2.579	
1		Ké		Nephelium sp.	V	2,60	28	15	1	0.109	796/QĐ-TT 10/11/2025
2		Ké		Nephelium sp.	V	2,30	24	10	1	0.055	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2,60	26	16	1	0.108	
4		Ké		Nephelium sp.	V	2,00	25	14	1	0.070	
5		Ké		Nephelium sp.	V	1,60	26	16	1	0.066	
6		Ké		Nephelium sp.	V	2,30	25	10	1	0.057	
Lô 37				Tổng					6	0.465	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.20		58	1	0.845	Bản án số 11/2025/HS-ST
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.30		53	1	0.728	
3		Ké		Nephelium sp.	V	2.60		115	1	1.036	

4		Ké		Nephelium sp.	V	2.60		39	1	0.310	ngày 24/6/2025 (gỗ tròn)
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.10		115	1	1.227	
Lô 38	Tổng								5	4.147	
1		Ké		Nephelium sp.	V	4.7		48	1	0.850	797/ QĐ-TT 01/4/2026 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	4.1		54	1	0.938	
3		Ké		Nephelium sp.	V	5.9		60	1	1.667	
4		Ké		Nephelium sp.	V	6.5		38	1	0.736	
5		Ké		Nephelium sp.	V	2.2		35	1	0.211	
6		Ké		Nephelium sp.	V	1.9		29	1	0.125	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.3		54	1	0.297	
8		Ké		Nephelium sp.	V	2.6		31	1	0.196	
9		Ké		Nephelium sp.	V	4.7		25	1	0.230	
10		Ké		Nephelium sp.	V	2.2		19	1	0.062	
11		Ké		Nephelium sp.	V	1.9		26	1	0.100	
12		Ké		Nephelium sp.	V	1.2		29	1	0.079	
13		Ké		Nephelium sp.	V	1.5		29	1	0.099	
14		Ké		Nephelium sp.	V	2.0		15	1	0.035	
15		Ké		Nephelium sp.	V	0.8		38	1	0.090	
16		Ké		Nephelium sp.	V	3.2		27	1	0.183	
17		Ké		Nephelium sp.	V	2.1		30	1	0.148	
18		Ké		Nephelium sp.	V	3.2		30	1	0.226	
19		Ké		Nephelium sp.	V	3.2		24	1	0.144	
20		Ké		Nephelium sp.	V	3.2		23	1	0.132	
21		Ké		Nephelium sp.	V	1.0		32	1	0.080	
22		Ké		Nephelium sp.	V	3.7		23	1	0.153	
23		Ké		Nephelium sp.	V	3.3		26	1	0.175	
24		Ké		Nephelium sp.	V	2.9		26	1	0.153	
25		Ké		Nephelium sp.	V	3.1	35	24	1	0.105	Gỗ xẻ
26		Ké		Nephelium sp.	V	3.1	34	18	1	0.189	
27		Ké		Nephelium sp.	V	1.9	28	26	1	0.138	
28		Ké		Nephelium sp.	V	2.8	40	25	1	0.234	
Lô 39	Tổng								28	7.775	
1		Trám hồng		Canarium sp.	VI	5.5		55	1	1.306	798/QĐ-TT 29/4 /2026 (gỗ tròn)
2		Trám hồng		Canarium sp.	VI	5.1		49	1	0.961	
3		Trám hồng		Canarium sp.	VI	6.2		37	1	0.666	
4		Trám hồng		Canarium sp.	VI	4.9		46	1	0.813	
5		Trám hồng		Canarium sp.	VI	3.5		53	1	0.771	
Lô 40	Tổng								5	4.517	
1		Ké		Nephelium sp.	V	3.2		42	1	0.443	799/QĐ-TT 18/ 5 /2026 (gỗ tròn)
2		Ké		Nephelium sp.	V	3.5		38	1	0.396	
3		Ké		Nephelium sp.	V	3.7		32	1	0.297	
4		Ké		Nephelium sp.	V	3.5		24	1	0.158	
5		Ké		Nephelium sp.	V	3.5		22	1	0.132	
6		Ké		Nephelium sp.	V	3.8		49	1	0.716	
7		Ké		Nephelium sp.	V	1.0		1.0	1	0.085	
Lô 41	Tổng								7	2.227	
Tổng									426	95.663	

Ghi chú: Trong đó: Gỗ tròn 148 lóng/61 m3 và gỗ xẻ 278 hộp, thanh, tâm/34,663 m3.

